TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-HC	*Việt Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 38, Điều 143 và Điều 144 của Luật tố tụng hành chính;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm;

Xét thấy: Người khởi kiện là chị Lê Thị H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và được Tòa án chấp nhận thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 02/2014/TLST-HC ngày 15 tháng 10 năm 2014 về việc khiếu kiện quyết định hành chính giữa:

Người khởi kiện: Chị Lê Thị H – sinh năm 1975.

Trú quán: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Hồng Q – sinh năm 1978.

Trú quán: Xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang hành nghề Luật sư tại Văn phòng luật sư H, Đoàn Luật sư Hà Nội theo Văn bản xác nhận ngày 21/10/2014 của Văn phòng luật sư , Đoàn Luật sư Hà Nội.

Người bị kiện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã T – huyện Việt Yên – tỉnh Bắc Giang do ông Thân Văn Q1 là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Tăng Tiến làm đại diện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Thân Văn Q2 – sinh năm 1976.

2. Bà Lê Thị V – sinh năm 1952.

3. Ông Lê Văn B – sinh năm 1960.

4. Bà Thân Thị T – sinh năm 1960.

Đều trú quán: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Hoàn trả chị Lê Thị H 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2012/03491 ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Thị Hương Lan

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).